

TANDTP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

---**---

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Bản án số: 45/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 22/6/2022.

V/v tranh chấp: “Ly hôn,

Nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Xuân – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Viết Sáu.
2. Ông Nguyễn Văn Đô.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Mỹ Thuận – Kiểm sát viên.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Biện Anh Huy – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố P, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 253/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 03 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Đ, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

* Bị đơn: Bà H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Khu phố 01, phường B, thành phố P, tỉnh Bình Thuận.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Đ trình bày:*

[1] Ông và bà H tự nguyện tìm hiểu yêu thương, tổ chức cưới và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148, ngày 29/12/2017 của UBND xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận, nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, H không tin tưởng nghi ngờ ông ngoại tình, vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không hạnh phúc.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa giải để tiếp tục chung sống, do vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho ông được ly hôn với bà H.

[2] Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên: N(nữ), sinh ngày 22/8/2018, Ông Đ có nguyện vọng giao con chung cho H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn và ông sẽ trợ cấp nuôi con chung là 4.000.000đ/tháng. Nếu H không nuôi con thì ông sẽ trực tiếp nuôi con sau ly hôn và không yêu cầu H cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] Về tài sản chung: Ông Đ khai: Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Ông Đ khai vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Ông đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Bị đơn- Bà H trình bày:**

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đ là vợ chồng hợp pháp có đăng ký kết hôn vào năm 2017. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do Ông Đ ngoại tình với người phụ nữ khác, đầu năm 2022 sau một lần vợ chồng cãi vã Ông Đ bỏ về nhà cha mẹ để ở xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu sinh sống, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Quá trình viết bản tự khai và hòa giải bà có thể hiện ý kiến đề nghị tòa chấp nhận giải quyết cho ly hôn vì vợ chồng không thể nào hòa giải để tiếp tục chung sống. Tuy nhiên tại phiên tòa bà nêu ý kiến chỉ đồng ý ly hôn nếu Ông Đ thừa nhận chuyện ngoại tình.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên: N(nữ), sinh ngày 22/8/2018. Nếu Tòa án giải quyết chấp nhận cho ly hôn thì bà đề nghị giao con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Tiền bánh kẹo 1.000.000đ/tuần x 04 tuần = 4.000.000đ/tháng; Sữa Enphal Grow: 3.780.000đ/tháng; Tiền ăn uống các bữa chính: 4.000.000đ/tháng; Tiền thuốc men bệnh tật: 4.000.000đ/tháng; (Bà khai rằng con do sinh non nên hay bệnh phải nhập viện điều trị); Tiền học 1.700.000đ/tháng. Tổng cộng 13.480.000đ

[3] Về tài sản chung: Bà khai không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung không có nợ chung.

[5] Quá trình giải quyết vụ án H có đơn phản tố đề nghị ông Đ phải trả cho bà số tiền 100 triệu đồng là tài sản riêng của bà Ông Đ đã mượn của bà trong thời kỳ Hôn nhân; Tuy nhiên trước khi mở phiên tòa ông bà đã tự thỏa thuận giải quyết khoản tài sản riêng này nên H đã làm đơn rút yêu cầu phản tố.

***Về án phí:** Bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

**Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và đề xuất ý kiến về việc giải quyết nội dung vụ án như sau:*

[1] Việc tuân theo thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và quan hệ

pháp luật tranh chấp, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự theo quy định tại điều 48 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Thẩm phán, Thư ký đã chấp hành đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử, thời hạn mở phiên tòa, tuân thủ đúng việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và đã thực hiện việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng theo quy định Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuân thủ đúng quy định về trình tự thủ tục phiên tòa sơ thẩm theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật.

[2] Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

-Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của Nguyên đơn, Bị đơn cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng ông bà là trầm trọng, không thể hàn gắn được, do vậy đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, Điều 53, khoản 01 điều 56 Luật Hôn nhân Gia đình 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

-Về con chung: Đề nghị Tòa chấp nhận thỏa thuận của đương sự việc nuôi con chung cụ thể như sau: Giao con chung Ncho H trực tiếp nuôi dưỡng, buộc Ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung với mức 04 triệu đồng /tháng.

-Về tài sản chung, nợ chung: do các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Tòa không xem xét giải quyết.

- Về yêu cầu phản tố của bị đơn: Bị đơn đã rút yêu cầu đề nghị tòa không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

*** Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn bà H thường trú tại khu phố 01, Phường B, thành phố P. Do vậy việc Nguyên đơn kiện ly hôn Bị đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án thành phố P, theo quy định tại khoản 01 điều 28, điểm a khoản 01 điều 35, điểm a khoản 01 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

***Về giải quyết nội dung tranh chấp trong vụ kiện:**

[1]Về quan hệ hôn nhân:

Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Đ và bà H là hợp pháp, vì ông bà có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 148, ngày 29/12/2017 tại UBND xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Xét thấy tại phiên tòa cả Nguyên đơn và Bị đơn đều khai thống nhất: Xác định vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc nên ông bà đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án H cũng đã xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nhưng tại phiên tòa lại không đồng ý ly hôn với lý do là Ông Đ không thừa nhận ngoại tình, xét thấy lý do H đưa ra là không chính đáng hợp lý để xét không chấp nhận yêu cầu ly hôn của Ông Đ, bởi lẽ thực tế mâu thuẫn vợ chồng

ông bà là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được thì cuộc sống chung vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài và thực tế hiện nay ông bà đã không còn chung sống với nhau. Do vậy Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại khoản 01 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn - ông Đ.

[2] Về con chung:

[2.1] Vợ chồng ông bà đều xác nhận có 01 con chung tên N(nữ), sinh ngày 22/08/2018;

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận việc nuôi con chung cụ thể như sau: Bà H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng con chung N, sau ly hôn;

Xét thấy bà H có sức khỏe và khả năng lao động, hoàn toàn có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con chung; Do vậy thỏa thuận về việc trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của các đương sự là phù hợp quy định pháp luật đồng thời bảo đảm lợi ích về mọi mặt cho con chung; Do vậy nên Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận việc nuôi chung sau ly hôn của các đương sự trong vụ án.

[2.2] Về trợ cấp nuôi con chung:

Bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ông Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung như sau: Tiền bánh kẹo 1.000.000đ/tuần x 04 tuần = 4.000.000đ/tháng; Sữa Enphal Grow: 3.780.000đ/tháng; Tiền ăn uống các bữa chính: 4.000.000đ/tháng; Tiền thuốc men bệnh tật: 4.000.000đ/tháng; (Bà khai rằng con do sinh non nên hay bệnh phải nhập viện điều trị); Tiền học 1.700.000đ/tháng; Tổng cộng 13.480.000đ/tháng.

Ông Đ khai: Ông không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định và chỉ có khả năng cấp dưỡng nuôi con chung N với mức 4.000.000đ/tháng, và từ ngày vợ chồng ly thân đến nay ông vẫn cấp dưỡng nuôi con với mức này.

Xét thấy theo quy định tại khoản 01 điều 81, khoản 02 điều 82, khoản 01 điều 107 và Điều 110 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, thì ông Đ phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

Căn cứ khoản 1 Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 quy định về mức cấp dưỡng như sau: *“Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.”*

Như vậy mức cấp dưỡng nuôi con chung phải căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Hiện nay Ông Đ không có nghề nghiệp ổn định, thu nhập không ổn định, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung N với mức 4.000.000đ/tháng là phù hợp khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng.

Mức cấp dưỡng 13.480.000đ/tháng do H yêu cầu là không phù hợp với thu nhập khả năng thực tế của Ông Đ và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng là cháu Gia Hân, do vậy Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của Ông Đ được thực hiện cho đến khi cháu Nđũ 18 tuổi và có khả năng lao động. Tuy nhiên quá trình nuôi con nếu mức cấp dưỡng thay đổi do có lý do chính đáng thì các bên có thể thỏa thuận lại hoặc yêu cầu tòa án giải quyết theo quy định tại khoản 02 điều 116 Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông, bà khai không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về yêu cầu phản tố: Quá trình giải quyết vụ án H có đơn phản tố đề ngày 05/5/2022 yêu cầu Ông Đ phải trả lại cho bà 100 triệu đồng tiền cha mẹ H cho riêng H trong thời kỳ hôn nhân. Tuy nhiên H không nộp tiền tạm ứng án phí đồng thời đã có đơn rút yêu cầu phản tố, do vậy Tòa không xét, H có quyền khởi kiện riêng về Dân sự theo quy định pháp luật.

[5] Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và tiền án phí trợ cấp nuôi con chung, theo quy định tại khoản 04 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do Ông Đ nộp tại biên lai số 0009526 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Căn cứ: Điều 51, Điều 53, khoản 01 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 05, điểm c khoản 06 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

2/ Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Đ được ly hôn với bà H;

[2] Về con chung: Vợ chồng ông bà có 01 con chung tên N(nữ), sinh ngày 22/08/2018;

Tuyên buộc ông Đ phải giao con chung tên: N(nữ), sinh ngày 22/08/2018 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn;

Ông Đ và bà H đều có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, sau ly hôn; Không ai có quyền ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc giáo dục con chung sau ly hôn.

[3] Về trợ cấp nuôi con chung: Tuyên buộc ông Đ phải cấp dưỡng cho bà H để nuôi con chung N(nữ), sinh ngày 22/08/2018 với mức 4.000.000đ/tháng cho đến khi con chung Nđũ thành niên và có khả năng lao động.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày người được thi hành án

có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông, bà không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Bà H có quyền khởi kiện riêng về Dân sự đối với số tiền 100 triệu đồng đã cho ông Đ vay trong thời kỳ hôn nhân, theo quy định pháp luật.

3/ Về án phí: Ông Đ phải chịu 300.000 đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tiền tạm ứng án phí 300.000đ, do Ông Đ nộp tại biên lai số 0009526 ngày 30/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố P sẽ được chuyển thành án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo của nguyên đơn, Bị đơn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án , quyết định được thi hành theo quy định tại điều 02 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án , quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án quy định tại điều 6, 7 , 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Nơi nhân :

- Tòa án Tỉnh;
- VKS Tp.P;
- Chi cục THADS TP. P;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Như Xuân

